

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Kinh tế Phát triển**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THU

2. Ngày tháng năm sinh: 01/09/1980; Nam Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã An Thái, huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà 10 hẻm 199/2/5 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Nhà 10 hẻm 199/2/5 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0386010980; E-mail: thunp@neu.edu.vn

7. Quá trình công tác

Thời gian	Tổ chức	Địa điểm	Vị trí công tác
02/2020-nay	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	207 Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Giảng viên chính
09/2005-01/2020	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	207 Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Giảng viên

Chức vụ: Hiện nay:; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Kinh tế công cộng, Khoa Kế hoạch và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Địa chỉ cơ quan: Phòng 0809, Tầng 8, Nhà A1 Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 207 Đường Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (84) 24.36.280.280

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo

- Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 05 năm 2018, ngành: **Kinh tế**, chuyên ngành: **Kinh tế phát triển**; Nơi cấp bằng TS: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam.**
- Được cấp bằng ThS ngày 04 tháng 11 năm 2004, ngành: **Kinh tế**, chuyên ngành: **Quản trị Kinh doanh**; Nơi cấp bằng ThS: **Phòng Thương mại và Công nghiệp Paris, Pháp và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam.**
- Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 4 năm 2017, ngành: **Ngôn Ngữ**, chuyên ngành: **Tiếng Anh**; Nơi cấp bằng ĐH: **Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.**
- Được cấp bằng ĐH ngày 26 tháng 06 năm 2001, ngành: **Kinh tế**, chuyên ngành: **Ngân hàng Tài chính**; Nơi cấp bằng ĐH: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam.**

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về Phát triển bền vững, tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa các nhân tố liên quan đến tăng trưởng kinh tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, tiêu dùng năng lượng tái tạo, lượng phát thải CO₂, ... và ô nhiễm môi trường.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

Hướng dẫn Ths: Số thứ tự [3] trong mục 4 (01/04 Ths)

- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [3], [4] trong mục 5 (02/06 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [1], [8] trong mục 6 (02/09 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [4], [7], [9], [10], [11], [13], [16], [17], [18], [20], [21], [22], [31], [33] trong mục 7 (14/39 bài báo)

Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu về Kinh tế và chính sách phát triển vùng, cụ thể nghiên cứu về phát triển kinh tế vùng, năng lực cạnh tranh vùng, chiến lược phát triển vùng, tinh thần doanh nhân vùng, thể chế phát triển vùng.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- Hướng dẫn Ths: 0 trong mục 4 (0/04 Ths)
- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [5] trong mục 5 (01/06 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [4], [7] trong mục 6 (02/09 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [12], [15], [24], [29], [30], [32], [34], [37], [39] trong mục 7 (09/39 bài báo)

Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu về Các chính sách phát triển, chủ yếu nghiên cứu về các chính sách phát triển kinh tế ban đêm, chính sách phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các chính sách phát triển dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp hay chính sách thúc đẩy sự sẵn sàng về công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp hay các chính sách thuế ở Việt Nam hiện nay.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- Hướng dẫn Ths: Số thứ tự [1], [2], [4] trong mục 4 (03/04 Ths)
- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [1], [2], [6] trong mục 5 (03/06 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [2], [3], [5], [6], [9] trong mục 6 (05/09 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [1], [2], [3], [5], [6], [8], [14], [19], [23], [25], [26], [27], [28], [35], [36], [38] trong mục 7 (16/39 bài báo)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **04 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **09 đề tài**, trong đó:
 - Chủ nhiệm **03 đề tài cấp cơ sở**
 - Thư ký **03 đề tài cấp Bộ và tương đương**
 - Thành viên **03 đề tài cấp Bộ và tương đương**
- Đã công bố (số lượng) **39 bài báo khoa học**, trong đó:
 - **17 bài báo khoa học** trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus (trong đó có **10 bài có IF>2**)
 - Là tác giả chính của **04 bài báo khoa học** trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Số lượng sách đã xuất bản **06 sách Giáo trình và sách chuyên khảo**, trong đó

- Chủ biên **01 sách Giáo trình** thuộc nhà xuất bản có uy tín
- Tham gia **05 sách chuyên khảo** thuộc nhà xuất bản có uy tín

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

05 công trình KH tiêu biểu nhất

1. Analysis of the Factors Affecting Environmental Pollution for Sustainable Development in the Future - The Case of Vietnam, Sustainability, 11/2022, ISSN: 2071-1050
2. Kinh tế và Chính sách phát triển vùng, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 04/2023, ISBN: 978-604-330-566-1
3. Lựa chọn định hướng chiến lược phát triển vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, Tạp chí dự báo, 04/2024, ISSN 1859-4972
4. Factors Affecting the Performance of Small and Medium Enterprises Regarding the Sustainable Development Goals - The Case of Foreign Direct Investment Firms in Vietnam, Economies, 02/2023, ISSN: 2227-7099
5. Định vị thị trường dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ thông tin ở Việt Nam, Tạp chí kinh tế phát triển, 09/2016, ISSN: 1859-0012

15. Khen thưởng

STT	Thành tích	Năm nhận
1.	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Năm 2019, Quyết định số: 4713/QĐ-BGDĐT ngày 09/12/2019
2.	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)	Năm 2023, Quyết định số: 947/QĐ-ĐHKTQD ngày 25/08/2023
3.	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)	Năm 2022, Quyết định số: 1988/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/09/2022
4.	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)	Năm 2021, Quyết định số: 1738/QĐ-ĐHKTQD ngày 06/10/2021
5.	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Năm 2020, Quyết định số: 2417/QĐ-ĐHKTQD ngày 04/11/2020
6.	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Năm 2019, Quyết định số: 2268/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/10/2019
7.	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Năm 2018, Quyết định số: 2132/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/11/2018

16. Kỷ luật: Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Tôi được Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tuyển dụng làm giảng viên đại học từ tháng 09 năm 2005 và nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế Phát triển năm 2018 tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Trong gần 20 năm qua, với vai trò là một người giảng viên, tôi tự đánh giá mình đã có quá trình tu dưỡng phẩm chất đạo đức liên tục; không ngừng cố gắng hoàn thiện và nâng cao trình độ chuyên môn; hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ về giảng dạy đại học; say mê nghiên cứu khoa học và đã đạt một số thành tích như chủ nhiệm và tham gia đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, chủ biên và biên soạn sách giáo trình, sách chuyên khảo phục vụ đào tạo, công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí và hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

Về phẩm chất đạo đức: Tôi có phẩm chất đạo đức tốt, tuyệt đối trung thành với lý tưởng Cộng sản của Đảng, có lập trường và tư tưởng vững vàng, có tư duy khoa học, đạo đức nghề nghiệp và lối sống văn minh, tiến bộ. Tôi luôn chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, cũng như các quy định của pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tôi luôn thực hiện đầy đủ các nội quy, quy chế của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cũng như các quy định của Khoa và Bộ môn. Tôi có lý lịch bản thân rõ ràng, gia đình có thành phần cơ bản, bố mẹ tôi trước khi nghỉ hưu đều công tác trong ngành giáo dục đồng thời là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt, bố tôi không chỉ là nhà giáo mà còn từng là quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tham gia chiến dịch Quảng Trị năm 1972 và là thương binh hạng 2/4. Do vậy, khi được tuyển dụng làm giảng viên, tiếp nối truyền thống tốt đẹp của gia đình, tôi luôn có ý thức giữ gìn hình ảnh, uy tín và phẩm chất đạo đức của người giảng viên trong cuộc sống và công việc. Đối với người học, tôi luôn nhẹ nhàng, tận tâm và nhiệt tình, công bằng và minh bạch. Đối với đồng nghiệp, tôi luôn chan hòa, tôn trọng và chia sẻ để cùng hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được phân công từ Bộ môn, Khoa và Nhà trường.

Về đào tạo: Trong gần 20 năm công tác giảng dạy tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tôi luôn duy trì thái độ văn minh, lịch sự, ứng xử đúng mực, luôn tôn trọng, biết lắng nghe nhằm tạo môi trường học tập thân thiện và tích cực cho người học. Bên cạnh đó, tôi thường xuyên cập nhật kiến thức mới, tham gia các khóa đào tạo chuyên môn ngắn hạn và dài hạn, trực tiếp và trực tuyến, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy để đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của người học. Tôi tin rằng, việc liên tục cập nhật và áp dụng kiến thức mới không chỉ giúp tôi nâng cao chất lượng bài giảng mà còn khơi dậy ý chí phấn đấu trong học tập cũng như niềm đam mê nghiên cứu khoa học của người học. Tinh thần trách nhiệm, lòng nhiệt huyết và sự tận tụy trong công việc của tôi luôn là động lực để tôi phấn đấu và cống hiến, không chỉ cho bản thân mà còn vì sự phát triển của Nhà trường và sự tiến bộ của người học.

Tôi đã có một số thành tích trong lĩnh vực giảng dạy, cụ thể:

Trong thời gian công tác giảng dạy tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tôi thường giảng dạy, hướng dẫn chuyên đề tốt nghiệp bậc cử nhân và hướng dẫn luận văn thạc sĩ với số giờ giảng hàng năm khoảng 400 - trên 600 giờ. Chuyên môn chính của tôi là giảng dạy các môn học: Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội, Kinh tế và chính sách phát triển

vùng, Kinh tế công cộng, Tài chính công cho hệ đại học. Tôi cũng giảng dạy các môn học Kinh tế công cộng, Kinh tế và chính sách phát triển vùng các lớp bổ sung kiến thức cho hệ thạc sỹ.

Tôi đã tích cực tham gia giảng dạy một học phần bằng tiếng Anh cho bậc đại học tại các chương trình chất lượng cao trong 2 năm qua (cụ thể, giảng dạy học phần Kinh tế công cộng bằng tiếng Anh bậc đại học cho chuyên ngành Kinh tế quốc tế từ năm 2023 đến nay).

- Tôi đã hướng dẫn 04 học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ.

- Tôi đã xuất bản 06 sách giáo trình và chuyên khảo, trong đó chủ biên 01 sách giáo trình, tham gia viết 05 sách chuyên khảo phục vụ học tập.

Về nghiên cứu khoa học: Tôi luôn cố gắng trau dồi kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực chuyên môn, thường xuyên cập nhật các kiến thức mới để nâng cao năng lực nghiên cứu của bản thân. Tôi cũng tích cực tham gia các nhóm công bố quốc tế, viết bài cho các Hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế, góp phần chia sẻ và lan tỏa tri thức đến cộng đồng. Bên cạnh đó, tôi luôn dành thời gian tham gia vào các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp Bộ và tương đương cấp Bộ nhằm cải thiện kiến thức thực tiễn thông qua hoạt động nghiên cứu, khảo sát, thực địa của đề tài. Trong quá trình nghiên cứu, tôi không chỉ tìm kiếm và áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, mà còn luôn nỗ lực kết hợp với các kiến thức tích lũy được để tạo ra những bài giảng sinh động, hấp dẫn và phù hợp với yêu cầu thực tế của người học. Tôi cũng tích cực tham gia các hoạt động học thuật và ngoại khóa, xây dựng mạng lưới hợp tác với các nhà nghiên cứu và giảng viên trong và ngoài nước, từ đó không ngừng mở rộng kiến thức và kỹ năng của mình. Bằng sự tận tụy và lòng nhiệt huyết, tôi luôn phấn đấu trở thành một giảng viên không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn là một giảng viên truyền cảm hứng, thường xuyên động viên và hỗ trợ người học trên con đường học tập và phát triển.

Tôi đã có một số thành tích trong nghiên cứu khoa học, cụ thể:

- Tôi đã công bố 39 công trình khoa học, trong đó có 09 công trình đăng trên tạp chí trong nước, 17 công trình đăng trên tạp chí quốc tế, 06 công trình đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc gia và 07 công trình đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế. Trong các công trình được công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus có 04 công trình tôi là tác giả chính.

- Tôi đã tham gia và hoàn thành 06 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ và tương đương cấp Bộ, trong đó làm thư ký 03 đề tài và tham gia 03 đề tài từ năm 2016 đến năm 2024; tôi là chủ nhiệm và hoàn thành 03 đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2015, 2019 và 2022.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

Tôi có tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo là 18 năm 06 tháng. Trong 06 năm gần đây, tôi đã thực hiện số giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp và số giờ giảng dạy quy đổi, chi tiết như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019				13	193		193/409/270
2	2019-2020				13	285		285/541/270
3	2020-2021				12	303		303/558/270
03 năm học cuối								
4	2021-2022				10	336		336/562/270
5	2022-2023			01	11	381		381/676/270
6	2023-2024			03	12	384		384/738/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: **Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt nam**; số bằng: QC135981; năm cấp: 2017

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Ngoại ngữ

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2021 đến 2023	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Bùi Thị Thu Nga		x	x		12/2022- 03/2024	Khoa Kế hoạch và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội	Số bằng Thạc sĩ: 004891 ngày 08/03/2024
2	Hoàng Thu Trang		x	x		12/2022- 03/2024	Khoa Kế hoạch và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội	Số bằng Thạc sĩ: 004901 ngày 08/03/2024
3	Phetsamone KEOKHAMPHOUI		x	x		12/2022- 03/2024	Khoa Kế hoạch và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội	Số bằng Thạc sĩ: 005084 ngày 08/03/2024
4	Lê Thu Hương		x	x		12/2021- 02/2023	Khoa Kế hoạch và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội	Số bằng Thạc sĩ: 003447 ngày 09/02/2023

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phân biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I. Trước khi được công nhận TS							
1	Kinh tế công cộng	CK	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, 2012, ISBN: 978-604-927- 102-1	07		Viết MM chương 6 từ trang 359 đến trang 424	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xác nhận ngày 24/06/2024

2	Cung ứng dịch vụ công nông thôn: cơ sở lý luận và nghiên cứu thực tiễn tại tỉnh Nam Định	CK	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, 2016, ISBN 978-604-946-119-4	05		Tham gia viết chương 2 từ trang 51 đến trang 116	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xác nhận ngày 24/06/2024
II. Sau khi được công nhận TS							
3	Mối quan hệ giữa vốn xã hội với cơ hội việc làm của sinh viên các trường đại học ở Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Việt Nam, 2020, ISBN: 978-604-76-2100-2	10		Tham gia viết chương 1 từ trang 06 đến trang 66	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xác nhận ngày 24/06/2024
4	Định hướng và giải pháp nâng cao tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030	CK	Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Việt Nam, 2021, ISBN: 978-604-76-2387-7	08		Tham gia viết chương 1 từ trang 05 đến trang 63	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xác nhận ngày 24/06/2024
5	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	GT	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, 2023, ISBN: 978-604-330-566-1	07	Chủ biên	Viết MM phần mở đầu, chương 1, chương 8; tham gia viết chương 6	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xác nhận ngày 24/06/2024
6	Phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Việt Nam, 2023, ISBN 978-604-57-9106-6	04		Tham gia viết chương 1 từ trang 13 đến trang 59; viết MM chương 3 từ trang 97 đến trang 198	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xác nhận ngày 24/06/2024

Trong đó: Sách Giáo trình do nhà xuất bản có uy tín xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [01] sách Giáo trình:

- **Hướng nghiên cứu thứ 2: Số thứ tự [05] (01/06 sách)**

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I. Trước khi được công nhận TS					
1	(ĐT) Định hướng và giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng hiệu quả và bền vững giai đoạn đến năm 2030		50/ĐTKHVP-2017, tương đương cấp Bộ	2017-2018	Quyết định số 2376/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 07/12/2018. Xếp loại: Đạt
2	(ĐT) Đảm bảo công bằng xã hội khi thực hiện cơ chế tự chủ ở các trường đại học công lập	TK	B2016.KHA.01, cấp Bộ	2016-2017	Quyết định số 4275/QĐ-BGDĐT ngày 03/10/2017. Xếp loại: Đạt
3	(ĐT) Phát triển dịch vụ hỗ trợ Doanh nghiệp Phần mềm trên địa bàn Hà Nội đến năm 2020	CN	KTQD/V2015.23, cấp Cơ sở	2015-2016	Quyết định số 1119/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 29/06/2016. Xếp loại: Xuất sắc
II. Sau khi được công nhận TS					
4	(ĐT) Nghiên cứu bộ tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh vùng: Ứng dụng trường hợp vùng Đồng bằng sông Hồng	CN	NEU-V2022.06, cấp Cơ sở	2022-2023	Quyết định số 161/QĐ-ĐHKQTĐ 28/02/2023. Xếp loại: Tốt
5	(ĐT) Nghiên cứu các nhân tố tác động đến phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam	TK	B2021.KHA.06, cấp Bộ	2021-2022	Quyết định số 3097/QĐ-ĐHKQTĐ 15/12/2022. Xếp loại: Xuất sắc
6	(ĐT) Phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố Hà Nội	TK	01X-10/07-2021-2, tương đương cấp Bộ	2021-2022	Quyết định số 683/QĐ-SKHCHN 23/09/2022. Xếp loại: Khá
7	(ĐT) Nhân tố tác động đến phát triển các khu kinh tế cửa khẩu ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam	CN	KTQD/V2019.43, cấp Cơ sở	2019	Quyết định số 2094/QĐ-ĐHKQTĐ 27/12/2019. Xếp loại: Tốt
8	(ĐT) Định hướng và giải pháp nâng cao tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030		424/2018/HĐKHCHN-ĐTKHCHN, tương đương cấp Bộ	2018-2020	Quyết định số 2798/QĐ-ĐHKQTĐ 08/12/2020. Xếp loại: Đạt
9	(ĐT) Nghiên cứu mối quan hệ giữa vốn xã hội với cơ hội việc làm của sinh viên các trường đại học ở Việt Nam		B2018.KHA.30, cấp Bộ	2018-2019	Quyết định số 2604/QĐ-ĐHKQTĐ 02/12/2019. Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I. Trước khi được công nhận TS								
<i>Bài viết đăng trên Tạp chí</i>								
1	Định vị thị trường dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ thông tin ở Việt Nam	01	X	Tạp chí Kinh tế Phát triển ISSN: 1859-0012			số 231/ 2016, trang 53-59	09/2016
2	Tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà nội	01	X	Tạp chí Công nghiệp ISSN: 1859-3984			Số Kinh tế và Quản lý trang 16-17, 22	04/2012
3	Giải pháp tăng cường hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	02		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 172/ 2011, trang 71-75	10/2011
4	Gia nhập WTO: Thuận lợi, khó khăn cho ngành thủy sản	01	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số Đặc san Khoa Kế hoạch và Phát triển trang 61-64	10/2006
<i>Bài viết đăng trên Hội thảo</i>								
5	Nâng cao năng lực cạnh tranh các doanh nghiệp phần mềm ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế: nghiên cứu tình huống công ty TNHH Phần mềm FPT	02		Hội thảo quốc tế dành cho các nhà khoa học trẻ trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh lần thứ nhất. ISBN: 978-604-946-051-7			Tập 1, Trang 601-616	12/2015

6	Kinh nghiệm phát triển Công nghệ thông tin của Trung Quốc – Bài học với Việt nam	02	X	Hội thảo khoa học quốc gia Tăng cường tính định hướng thị trường trong hoạt động khoa học và công nghệ. ISBN: 978-604-946-050-0			Trang 233-240	12/2015
II. Sau khi được công nhận TS								
<i>Bài viết đăng trên Tạp chí</i>								
7	Nexus of Carbon Dioxide Emissions, Fossil Fuel, Foreign Direct Investments, and Exports to Renewable Energy: New Evidence from Singapore	03	X	Migration Letters ISSN: 1741-8984 e-ISSN: 1741-8992 Link đây	ESCI/ISI/Scopus Q2		VOL. 21 NO. 1, trang 237-258	10/2023
8	Factors Affecting the Performance of Small and Medium Enterprises Regarding the Sustainable Development Goals - The Case of Foreign Direct Investment Firms in Vietnam	02	X	Economies ISSN: 2227-7099 Link đây	ESCI/Scopus Q2, impact factor 2.6	01	11(3), 72, trang 01-15	02/2023
9	Factors Affecting Environmental Pollution for Sustainable Development Goals - Evidence from Asian Countries	03	X	Sustainability ISSN: 2071-1050 Link đây	SCIE/SSCI/Scopus Q1 impact factor 3.9	11	14(24), 16775, trang 01-14	12/2022
10	Analysis of the Factors Affecting Environmental Pollution for Sustainable Development in the Future - The Case of Vietnam	03	X	Sustainability ISSN: 2071-1050 Link đây	SCIE/SSCI/Scopus Q1 impact factor 3.9	10	14(23), 15592, trang 01-09	11/2022

11	Population, carbon dioxide emissions and renewable energy consumption nexus: New insights from Vietnam	05		Energy Exploration & Exploitation, NXB Sage ISSN: 0144-5987 Online ISSN: 2048-4054 Link đây	SCIE/ Scopus Q2, impact factor 2.7	Volume 5, trang 01-36	05/2024
12	Quản trị hợp tác phát triển kinh tế địa phương: Kinh nghiệm từ Hàn Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam	01	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN 1859-4972		Số 10 tháng 05/2024 (874) - Năm thứ 57, trang 185-188	05/2024
13	Mô hình chuỗi giá trị tuần hoàn tại các doanh nghiệp dệt may: bài học kinh nghiệm từ Litva	01	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN 1859-4972		Số 9 tháng 05/2024 (873) - Năm thứ 57, trang 186-189	05/2024
14	Kinh nghiệm xây dựng và phát triển công viên khoa học trên thế giới và gợi ý cho Việt Nam	02		Tạp chí công thương ISSN 0866 - 7756		Số 8 tháng 04/2024, trang 73-79	04/2024
15	Lựa chọn định hướng chiến lược phát triển Vùng Trung du miền núi phía Bắc	01	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN 1859-4972		Số đặc biệt tháng 4/2024 – Năm thứ 57, trang 03-07	04/2024
16	Carbon dioxide emissions, population, foreign direct investment, and renewable energy nexus: New insights from Thailand	04		Energy Reports, NXB Elsevier Online ISSN: 2352-4847 Link đây	SCIE/Scopus Q2 impact factor 5.2	Energy Reports 11 (2024), trang 4812-4823	04/2024
17	Nexus of innovation, foreign direct investment, economic growth and renewable energy: New insights from 60 countries	04		Energy Reports, NXB Elsevier Online ISSN: 2352-4847 Link đây	SCIE/Scopus Q2 impact factor 5.2	Volume 11, trang 1834-1845	01/2024

18	Factors affecting environmental pollution for green economy: The case of ASEAN countries	04		Environmental Challenges, Online ISSN: 2667-0100 Link đây	Scopus Q2, impact factor 3.8		Volume 14, trang 01-33	01/2024
19	Nexus of Migration, Population and Economic Growth: The Case of Vietnam	03		Migration Letters ISSN: 1741-8984 (Print) ISSN: 1741-8992 Link đây	ESCI/ Scopus Q2		Volume: 20, No: 8, trang 1187-1201	11/2023
20	Determinants of renewable energy consumption in the Fifth Technology Revolutions: Evidence from ASEAN countries	03		Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity ISSN 2199-8531 Link đây	Scopus Q1, impact factor 10.5	01	Volume 10, Issue 1, Article 100190, trang 01- 15	11/2023
21	Determinants of the renewable energy consumption: The case of Asian countries	03		Heliyon, NXB Elsevier Online ISSN: 2405-8440 Link đây	SCIE/ Scopus Q1 impact factor 4.0	01	e22696, Volume 9, Issue 12, trang 01- 15	11/2023
22	Nexus of innovation, renewable consumption, FDI, growth and CO2 emissions: The case of Vietnam	03		Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity ISSN 2199-8531 Link đây	Scopus Q1, impact factor 10.5	06	Volume 9, Issue 3, trang 01- 14	07/2023
23	Determinants of the Sustained Development of the Night-Time Economy: The Case of Hanoi, Capital of Vietnam	05		Journal of Risk and Financial Management ISSN: 1911-8074 Link đây	ESCI/ Scopus Q2	04	Volume 16 (8), trang 01-27	07/2023
24	Đánh giá năng lực cạnh tranh vùng đồng bằng sông Hồng	02	X	Tạp chí Phát triển bền vững Vùng ISSN 2354-0729			Quyển 13, số 1, trang 48-63	01/2023
25	State ownership, quality of sub-national governance, and total factor productivity of firms in Vietnam	03		Post-Communist Economies ISSN / eISSN: 1463-1377 / 1465-3958 Link đây	Scopus Q2	03	Volume 33, 2021 - Issue 1, trang 133- 146	09/2020

26	Is the Maturity Model applicable in Vietnam?	02		Asian Social Science ISSN 1911-2017, E-ISSN 1911-2025 Link đây	Scopus Q4		Vol. 16, No. 9, trang 11-20	08/2020
27	Factors affecting the business performance of enterprises: Evidence at Vietnam small and medium-sized enterprises	03		Management Science Letters ISSN: 1923-9343 (Online) - 1923-9335 (Print) Link đây	Scopus Q4	44	Vol. 10, Issue. 04, trang 865-870	10/2019
28	Factors affecting support services in small and medium enterprises: Evidence from Vietnam small and medium information technology enterprises	03		Management Science Letters ISSN: 1923-9343 (Online) 1923-9335 (Print) Link đây	Scopus Q4	19	Vol. 10, Issue. 02, trang 303-312	09/2019
Bài viết đăng trên Hội thảo								
29	Choosing the Regional Development Strategy Orientations for the Red River Delta Region	01	X	Hội thảo quốc tế "The International conference on Socio-economic and Environmental Issues in Development" ISBN: 978-604-79-4446-0			Trang 2008-2018	06/2024
30	Giải pháp phát triển tinh thần doanh nhân vùng Đồng bằng sông Hồng	01	X	Hội thảo quốc gia "Định hướng và giải pháp phát triển kinh tế tư nhân của người Việt Nam trong định hướng và tầm nhìn phát triển mới" ISBN 978-604-330-992-8			Trang 580-605	05/2024
31	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng nhựa sinh học của giới trẻ ở Hà Nội	06	X	Hội thảo quốc gia "Phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy đầu tư xanh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững" ISBN 978-604-376-572-4			Trang 1402-1419	04/2024

32	Economic Institutions: A barrier of Regional Competitiveness of the Red river delta Region?	02	X	Hội thảo quốc tế “The international conference on Socio-economic and Environmental Issues in Development - ICSEED-2023” ISBN: 978-604-79-3740-0		Trang 1527-1536	06/2023
33	Vietnam's challenges on the road to the Circular Economic Model	03		Hội thảo quốc tế “Socio-economic and Environmental Issues in Development - ICSEED-2023” ISBN: 978-604-79-3740-0		Trang 2415-2430	06/2023
34	Applying the EU Regional competitiveness index to research the competitiveness of the Red River Delta region	02	X	Hội thảo quốc tế “The International Conference on Contemporary Issues in Economics, Management and Business” (5th CIEMB 2022) ISBN: 978-604-330-515-9		Trang 355-381	11/2022
35	Developing the Night-Time Economy in Hanoi City	04		Hội thảo quốc tế “15th NEU-KKU international conference socio-economic and environmental issues in development” ISBN: 978-604-79-3205-4		Part 1, 22, trang 246-257	06/2022
36	Bắt cập trong quản lý thuế Thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay	01	X	Hội thảo quốc tế lần thứ 3 “Thương mại và phân phối” ISBN: 978-604-359-115-6		Tập 2, trang 288-304	02/2022

37	Phát triển các khu kinh tế cửa khẩu biên giới tại vùng Đông Bắc – Việt Nam	01	X	Hội thảo quốc gia về “Phát triển kinh tế địa phương: Định hướng phát triển kinh tế - xã hội Vùng trung du miền núi phía Bắc đến 2030 và tầm nhìn đến 2045” ISBN: 978-604-978-419-4			Trang 535-550	12/2019
38	Applying the Maturity Model to assess manufacturing enterprises towards Industry 4.0	01	X	Hội thảo quốc tế “Kinh doanh số trong kỷ nguyên toàn cầu hóa” ISBN: 978-604-65-4526-2			Trang 59-73	11/2019
39	Mô hình cụm ngành vùng Tây Nguyên	01	X	Hội thảo quốc gia “Phát triển kinh tế xã hội vùng Tây Nguyên” lần 3 ISBN: 978-604-60-3012-6			Trang 74-85	06/2019

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **04** bài thuộc danh mục ISI/Scopus – số thứ tự [7], [8], [9], [10] trong mục 7 (04/39 bài báo)

Bài báo và báo cáo khoa học theo các hướng nghiên cứu như sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** Số thứ tự [4], [7], [9], [10], [11], [13], [16], [17], [18], [20], [21], [22], [31], [33] trong mục 7 (14/39 bài báo)
- **Hướng nghiên cứu 2:** Số thứ tự [12], [15], [24], [29], [30], [32], [34], [37], [39] trong mục 7 (09/39 bài báo)
- **Hướng nghiên cứu 3:** Số thứ tự [1], [2], [3], [5], [6], [8], [14], [19], [23], [25], [26], [27], [28], [35], [36], [38] trong mục 7 (16/39 bài báo)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						

II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Rà soát, đánh giá và cập nhật Chương trình đào tạo đại học Chính quy ngành Kinh tế phát triển	Tham gia	Số 302/KH-ĐHKTQD ngày 04/03/2020	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26/07/2021	
2	Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Kinh tế phát triển	Tham gia	Số 392/QĐ-ĐHKTQD ngày 10/9/2021	Trung tâm Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo số 05/GCN-CTĐT ngày 17/09/2022	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: KHÔNG

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Nguyễn Thị Phương Thu